

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2024/HNGĐ-ST

Ngày 28 - 3 - 2024

Về việc “Ly hôn và tranh chấp
về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Hồng Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Thanh Duyên
- Bà Trần Thị Sang

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hậu, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 211/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Mai Trúc H**, sinh năm 1990 (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: **Khóm H, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.**

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn Hoàng H1**, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: **Ấp Ô, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 11 năm 2023, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà **Mai Trúc H** trình bày:

Vào năm 2018, bà với ông **Nguyễn Văn Hoàng H1** có kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C. Quá trình sống chung có 01 người con chung tên **Nguyễn Mai Song N**, sinh ngày 16/11/2018. Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Sau khi kết hôn 02 vợ chồng sống chung hạnh phúc. Đến năm 2022, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Hai vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau do bất đồng quan điểm trong cách dạy dỗ con. Ông Nguyễn Văn Hoàng H1 còn cờ bạc dẫn đến nợ nần, bà thường xuyên bị người khác đòi nợ. Từ đó tình cảm vợ chồng thường xuyên căng thẳng. Bà và ông H1 cũng đã nhiều lần ngồi lại với nhau để nói chuyện nhưng không thể nào hàn gắn được. Nay bà không thể tiếp tục cuộc hôn nhân này nữa nên tôi yêu cầu ly hôn với ông H1.

Về con chung: Bà yêu cầu nuôi dưỡng 01 người con chung tên Nguyễn Mai Song N, sinh ngày 16/11/2018, không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn Hoàng H1 đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không đến Tòa án cũng như không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự thực hiện theo các quy định tại các Điều 48, 68, 70, 71, 72, 97, 177, 196, 203, 205, 208, 209, 210, 211, 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nội dung vụ án: Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Trúc H. Cho bà Ma Trúc H2 được ly hôn với ông Nguyễn Văn Hoàng H1, giao con chung tên Nguyễn Mai Song N, sinh ngày 16/11/2018 cho bà Mai Trúc H nuôi dưỡng, ông Nguyễn Văn Hoàng H1 không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết. Bà Mai Trúc H có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật của vụ án: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”, bị đơn ông Nguyễn Văn Hoàng H1 có nơi cư trú tại ấp Ô, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh, căn cứ vào khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Xét thấy, bà **Mai Trúc H** và ông **Nguyễn Văn Hoàng H1** tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Quá trình chung sống với nhau giữa bà **Mai Trúc H** và ông **Nguyễn Văn Hoàng H1** phát sinh mâu thuẫn. Theo lời trình bày của bà **Mai Trúc H**, sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống hạnh phúc tại nhà ông **H1**. Tuy nhiên đến năm 2022, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng cự cãi với nhau về cách nuôi dạy con. Ông **H1** tham gia cờ bạc dẫn đến nợ nần và cũng không lo làm ăn phụ giúp gia đình. Từ đó bà dẫn con về nhà cha mẹ ruột sinh sống và đến nay và ông **H1** cũng không phụ nuôi con cùng bà. Do đó, nay bà không thể tiếp tục cuộc hôn nhân với ông **H1** nên bà yêu cầu ly hôn với ông **H1**.

Đối với ông **Nguyễn Văn Hoàng H1**, kể từ ngày Tòa án thụ lý vụ án và tiến hành hòa giải, Tòa án triệu tập ông **H1** tham gia hòa giải và phiên tòa xét xử nhưng ông **H1** vẫn vắng mặt. Điều này cho thấy ông **H1** không có thiện chí đoàn tụ gia đình với bà **H**. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng của bà **H** và ông **H1** không còn yêu thương nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cho bà **Mai Trúc H** và ông **Nguyễn Văn Hoàng H1** ly hôn là có cơ sở.

[4] Về con chung: 01 người con chung tên **Nguyễn Mai Song N**, sinh ngày 16/11/2018. Hiện tại 01 người con chung đang sống chung với bà **Mai Trúc H** phát triển đầy đủ về tinh thần và thể chất. Do đó Hội đồng xét xử giao người con chung cho bà **H** tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà **Mai Trúc H** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà **Mai Trúc H** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Xét đề nghị của **V** đại diện viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

[7] Án phí: Bà **Mai Trúc H** chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51; 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà **Mai Trúc H**. Cho bà **Mai Trúc H** được ly hôn với ông **Nguyễn Văn Hoàng H1**.

Con chung: Giao 01 người con chung tên **Nguyễn Mai Song N**, sinh ngày 16/11/2018 cho bà **Mai Trúc H** nuôi dưỡng.

Ông **Nguyễn Văn Hoàng H1** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông **Nguyễn Văn Hoàng H1** có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà **Mai Trúc H** khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Bà **Mai Trúc H** chịu toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà **Mai Trúc H** đã nộp theo biên lai số 0000585 ngày 28/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Bà **Mai Trúc H** không phải nộp thêm. Ông **Nguyễn Văn Hoàng H1** không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM THẨM PHÁN**

CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

T1

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã Hưng Mỹ;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Sơn Thị Hồng Nhân

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Sơn Thị Hồng Nhân